

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Số: 16/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đ, ngày 26 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn T**; Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Vợ chồng ông **Nguyễn Văn H**; Sinh năm: 1963

Bà **Nguyễn Thị T**; Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà **Nguyễn Thị H**; Sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông **Trần Văn M**; Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông **Võ Đình H**; Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trần Hoàng Q, sinh ngày 18/02/2014 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trần M; sinh ngày 08/02/2017 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Ông Trần văn T, bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về nợ chung:

* Ông Trần Văn T có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+ Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã ký.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị H 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

+ Trả cho ông Trần Văn M 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Tổng cộng số nợ chung ông T phải trả là: 100.000.000 đồng.

* Bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+ Trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T với số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

+ Trả cho ông Võ Đình H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Tổng cộng số nợ chung bà C phải trả là: 95.000.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.4. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là: 2.650.000 (Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng

tạm ứng án phí ông Trần Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003776 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Trần Văn T phải nộp thêm 2.350.000 (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng án phí.

Bà Nguyễn Thị C phải nộp 2.375.000 (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn H số tiền 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003798 ngày 18/6/2019 và 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003799 ngày 18/6/2019 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003797 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả ông Võ Đình H 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Võ Đình H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003792 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả ông Trần Văn M 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Trần Văn M đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0003791 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã R, H. Đ,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng